

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trương T B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp TN, xã TP, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* bà Lê Th N G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T Th, xã TP, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Th N G có nghĩa vụ trả cho bà Trương T B số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả ngay khi Quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bà Lê Th N G trả đủ số tiền cho bà Trương Thị Bướm thì bà Trương Thị Bướm có nghĩa vụ trả cho bà Lê Th Ng G 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02527 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Lê Th Ng G ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02528 do Sở Tài nguyên và Môi

trường cấp cho bà Lê Th N G.

- Về án phí:

+ Bà Lê Th Ng G chịu 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trương Th B chịu 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền mà bà Bướm đã nộp tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0008050 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ nên bà Bướm được hoàn lại số tiền là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày bà Bướm có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ngoài tất cả các khoản tiền phải trả hàng tháng thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TPĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

V N H

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).